

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày: 21-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trung Lưu

2/ Ông Phạm Đình Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2020/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Châu Ngọc A**, sinh ngày 11/8/1997 tại tỉnh BT. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã C, thành phố PT, tỉnh BT, Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Con ông Châu Ngọc D, sinh năm 1966; nghề nghiệp: Phụ hồ và bà Lê Thị E, sinh năm 1971; nghề nghiệp: Nội trợ. Cùng trú tại: thôn B, xã C, thành phố PT, tỉnh BT. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/03/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ - Công an thành phố PT. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Thái F** (tên thường gọi: G), sinh ngày 10/9/1994 tại tỉnh BT. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã C, thành phố PT, tỉnh BT. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 5/12. Nghề nghiệp: Làm thuê. Con ông Nguyễn Thái I; sinh năm 1954 (đã mất) và bà Dương Thị J, sinh năm 1955 (đã mất). Vợ Châu Thị K, sinh năm: 1992; nghề nghiệp: Công nhân. Con Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 2014 và Nguyễn Quốc M, sinh năm 2017. Cùng trú tại: thôn H, xã C, thành phố PT, tỉnh BT. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn B, xã C, thành phố PT, BT

*** Người làm chứng:**

- Anh Lâm Thiên O, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố P, phường Q, thành phố PT, tỉnh BT.

- Ông Lê Tấn R, sinh năm: 1980 (có mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã C, thành phố PT, tỉnh BT

- Ông Lê Văn S, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã C, thành phố PT, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 15/6/2019, anh Nguyễn Ngọc N đi làm về bằng xe mô tô đến đường hẻm bê tông (thuộc thôn B, xã C, thành phố PT) thì gặp Châu Ngọc A đang điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều với vận tốc nhanh. Khi thấy anh N, A chạy chậm lại và bị anh N dùng chân đạp vào bửng xe mô tô của A và nói *“hẻm nhỏ mà mày chạy xe vậy à”*. A không nói gì và bỏ đi còn anh N điều khiển xe mô tô về nhà. Khi về đến nhà, A bức tức việc bị anh N dùng chân đạp vào bửng xe và chửi mình nên lấy 01 cây kiếm tự tạo giấu trong người đến rủ anh rể của A là Nguyễn Thái F đến nhà anh N để đánh cảnh cáo nhưng F không đồng ý và rủ A ở lại nhà F để nhậu. A không nói gì và ra phía trước nhà F ngồi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, A nói với F là A đi về nhà thì F nói để F chở A về. Khi F chở A đến đoạn đường T (thuộc thôn B, xã C, Tp PT) thì gặp Lâm Thiên O và 03 người bạn của O (không xác định được nhân thân), O hỏi F *“mày đi đâu vậy, xuống nhà mày nhậu mà đi đâu?”* thì F trả lời *“tao chở thằng em xuống đây có việc tí”*, O nói *“mày đi rồi, ai chơi với tao, thôi cho tao đi nữa”* thì F đồng ý. Sau đó F chở A đi trước còn O và bạn của O đi theo sau. Trên đường đi, A tiếp tục rủ F đến nhà anh N để đánh cảnh cáo thì F đồng ý nên chở A đến nhà anh N. Khi A, F, O và 03 người bạn của O đi vào nhà anh N thì thấy anh N đang nhậu với anh Lê Văn S, anh Lê Hữu U và Lê Tấn V (cùng trú tại thôn B, xã C, Tp PT) ở trước nhà. A chỉ anh N và nói với F *“đó, đó, thằng đeo sọt dây chuyền đó”*. Thấy A nói vậy thì anh N cầm thùng giấy ném về phía A và F, F tháo nón bảo hiểm đang đội trên đầu ném lại N. Thấy vậy, N bỏ chạy qua nhà bà Đào Thị W (sinh năm 1949, trú tại thôn B, xã C, TP PT, là hàng xóm của anh N) thì tung vào cánh cửa cổng nhà bà W và bị F chạy theo ôm lại. Anh N bung người ra tiếp tục chạy được khoảng 10m đến bãi đất trống trước nhà bà W thì bị ngã, F nhào người đến dùng tay, dùng chân đánh vào người anh N. Lúc này, A lấy cây kiếm giấu sẵn trong người chạy đến chém nhiều nhát vào tay và chân anh N. Thấy anh N bị thương nên O và bạn của O chạy đến can ngăn F và A. Sau đó, tất cả bỏ về, A giấu cây kiếm đã dùng để chém anh N sau nhà F.

Anh N sau khi bị F và A đánh gây thương tích được người nhà chở đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện X. Ngày 25/6/2019, anh N có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với A và F.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 309/2019/TgT ngày 02/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh BT kết luận:

- Vết thương, chấn thương khuỷu tay trái, gãy hở mỏm khuỷu tay trái đã được phẫu thuật điều trị Cal xương chưa ổn định, hạn chế vận động khớp khuỷu, để lại sẹo lành, kích thước 16,5 x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11% + 4%.

- Vết thương mặt mu bàn tay trái, đứt gân đuôi ngón II bàn tay trái đã được phẫu thuật điều trị hiện ổn định, để lại sẹo lành, kích thước: 3 x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 3%.

- Vết thương, chấn thương mặt mu bàn tay phải, gãy xương bàn II, III bàn tay phải, đứt gân đuôi ngón II, III bàn tay phải, đã được phẫu thuật điều trị hiện hạn chế cử động gấp, duỗi, dạng, khép ngón II, III bàn tay phải, để lại sẹo chưa ổn định, kích thước 5 x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10% + 4%.

- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt trước ngoài đùi trái, hiện để lại sẹo lành, kích thước: 18 x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 4%.

- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 giữa mặt ngoài cẳng chân trái, hiện để lại sẹo lành, kích thước 8,5 x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 33%.

- Vết thương do vật sắc gây ra

- Các vết thương có chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

- Hiện tại hạn chế cử động gấp, duỗi, dạng khép ngón II, III bàn tay phải.

Vật chứng của vụ án:

Cơ quan công an đã thu giữ 01 cây kiếm tự tạo bằng kim loại (mũi nhọn) có chiều dài lưỡi kiếm 60cm, chiều rộng 4cm, đuôi kiếm dài 12cm (được quấn bằng nilon) do Châu Ngọc A giao nộp. Đây là hung khí A dùng để gây thương tích cho anh N. Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT đã ra quyết định chuyển vật chứng đối nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT bảo quản chờ xử lý.

Về dân sự: Tại cơ quan điều tra, anh Nguyễn Ngọc N yêu cầu Châu Ngọc A và Nguyễn Thái F bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 129.100.000 đồng (bao gồm: chi phí khám chữa bệnh trong quá trình điều trị là 69.100.000 đồng (có hóa đơn chứng từ hợp lệ); tiền chi phí ăn uống, thuê xe đi khám và tái khám tại bệnh viện X và bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Y là 6.000.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất là 300.000 đồng/ngày x 180 ngày = 54.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra, Châu Ngọc A và Nguyễn Thái F đã bồi thường được 20.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKS ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT đã truy tố bị cáo Châu Ngọc A về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thái F về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Châu Ngọc A mức án từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thái F mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù. Về dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và hai bị cáo, cụ thể: Bị cáo Châu Ngọc A đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền 93.974.838 đồng. Bị cáo Nguyễn Thái F đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền 10.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: tuyên tịch thu tiêu hủy 01 cây kiếm tự tạo bằng kim loại do A dùng để gây thương tích cho anh N.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Ngọc N yêu cầu bị cáo A và bị cáo F phải liên đới bồi thường các khoản sau: Chi phí cho việc cứu chữa điều trị thương tích theo các hóa đơn, chứng từ có trong hồ sơ vụ án là 61.334.838 đồng; Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe 150.000 đồng/ngày x 40 ngày = 6.000.000 đồng; Tiền công lao động(mất thu nhập) của anh N, anh là thợ hồ, công việc ổn định, tiền công 300.000 đồng/ngày(có giấy xác nhận của chủ thầu xây dựng), 01 tuần làm 06 ngày x 300.000 đồng= 1.800.000 đồng, 01 tháng là 7.200.000 đồng, từ ngày anh nằm viện, về nhà và cho đến khi đi lại bình thường là 06 tháng x 7.200.000 đồng/tháng = 43.200.000 đồng; Thu nhập bị mất của người chăm sóc anh trong thời gian anh điều trị(mẹ anh N bà Đặng Thị Z): 150.000 đồng/ngày x 30 ngày = 4.500.000 đồng; Yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 06 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 8.940.000 đồng. Tổng cộng: 123.974.838 đồng. Ngoài ra, anh N không yêu cầu gì thêm. Bị cáo A đã bồi thường cho anh N được 10.000.000 đồng, bị cáo F đã bồi thường cho anh N được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 103.974.838 đồng anh N yêu cầu bị cáo A và bị cáo F phải tiếp tục bồi thường.

Các bị cáo không bào chữa về lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, về hình phạt xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố PT, tỉnh BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Châu Ngọc A và bị cáo Nguyễn Thái F khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra,

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Do bức tức việc trước đó bị anh Nguyễn Ngọc N đạp vào xe mô tô và chửi mình nên vào khoảng 20 giờ ngày 15/6/2019, Châu Ngọc A rủ anh rể là Nguyễn Thái F đến nhà anh N ở thôn B, xã C, thành phố PT để đánh anh N trả thù. Tại đây, F đã có hành vi rượt đuổi, dùng tay chân đánh vào người anh N, A dùng cây kiếm tự tạo bằng kim loại chém nhiều nhát vào tay và chân của anh N làm anh N bị thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 33%.

Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, Châu Ngọc A dùng kiếm chém nhiều nhát gây thương tích cho anh Nguyễn Ngọc N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 33%, đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”, với các tình tiết định khung hình phạt “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Thái F, mặc dù có hành vi dùng tay chân đánh vào người anh N nhưng khi A rủ đến nhà anh N đánh anh N thì F đồng ý và dùng xe mô tô chở A đi. Khi thấy anh N, F đã dùng nón bảo hiểm ném về phía anh N sau đó rượt đuổi anh N đến bãi đất trống, thấy anh N bị vấp té, F nhào đến dùng tay, chân đánh vào người anh N tạo điều kiện cho A dùng kiếm chém anh N. Do đó, hành vi của F là đồng phạm với A và phải chịu tình tiết định khung hình phạt “*Dùng hung khí nguy hiểm*” theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án cho thấy: Đối với Châu Ngọc A là người trực tiếp sử dụng kiếm gây thương tích cho bị hại Nguyễn Ngọc N với vai trò là người thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Đối với Nguyễn Thái F tuy các vết thương của N không phải do F trực tiếp gây ra (F dùng chân, tay đánh vào người N nhưng các vết thương của N theo kết luận giám định đều do vật sắc gây ra) nhưng F là người tích cực đuổi theo N bị ngã để A tấn công gây thương tích. Do đó, F phải chịu trách nhiệm hình sự chung về thương tích của N với vai trò đồng phạm.

Hành vi cố ý gây thương tích của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bản chất hung hăng, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý bằng biện pháp hình sự nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Xét thấy sau khi phạm tội các bị cáo đã có thiện chí và tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả (mỗi bị cáo 10.000.000 đồng) cho bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Do bị cáo F có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được truy tố đối với bị cáo F theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo A, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Châu Ngọc A mức án từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo A. Đối với bị cáo F áp dụng điểm a khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thái F mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù là hơi cao so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo F.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết.

[7] Về dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo A và bị cáo F phải liên đới bồi thường các khoản sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa điều trị thương tích theo hóa đơn, chứng từ (bản chính có trong hồ sơ vụ án) là 61.334.838 đồng.

- Chi phí hợp lý bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 150.000 đồng/ngày x 40 ngày = 6.000.000 đồng;

- Tiền thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị, phục hồi sức khỏe: 06 tháng x 7.200.000 đồng/tháng = 43.200.000 đồng.

- Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của mẹ anh N chăm sóc anh trong thời gian điều trị: 150.000 đồng/ngày x 30 ngày = 4.500.000 đồng;

- Yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần mà anh N phải gánh chịu: 06 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 8.940.000 đồng.

Tổng cộng là 123.974.838 đồng, bị cáo A đã bồi thường cho anh N được 10.000.000 đồng, bị cáo F đã bồi thường cho anh N được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 103.974.838 đồng, anh N yêu cầu hai bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo A và bị cáo F thỏa thuận bồi thường xác định theo mức độ lỗi của từng bị cáo và thỏa thuận F sẽ bồi thường cho anh N số tiền 20.000.000 đồng, đã bồi thường cho bị hại 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 10.000.000 đồng F sẽ tiếp tục bồi thường cho anh N. A sẽ bồi thường số tiền 103.974.838 đồng, đã bồi thường cho bị hại 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 93.974.838 đồng A sẽ tiếp tục bồi thường cho anh N. Tại phiên tòa anh N đồng ý theo sự thỏa thuận của A và F. Xét

thấy F và A đã có hành vi xâm phạm đến sức khỏe của anh N nên phải bồi thường, tuy nhiên hai bị cáo đã thỏa thuận được trách nhiệm bồi thường của từng người được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người và xét sự thỏa thuận giữa anh N và 02 bị cáo là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa anh N và hai bị cáo như sau: Bị cáo Châu Ngọc A đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền 93.974.838 đồng; Bị cáo Nguyễn Thái F đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền 10.000.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với cây kiếm tự tạo bằng kim loại (mũi nhọn) có chiều dài lưỡi kiếm 60cm, chiều rộng 4cm, đuôi kiếm dài 12cm (được quấn bằng nilon). Đây là công cụ bị cáo A dùng để gây thương tích cho bị hại N. Hiện vật chứng này không có giá trị sử dụng, do vậy cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với Lâm Thiên O và 03 người bạn của O: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Lâm Thiên O khai O và 03 người bạn của O có đi theo A và F đến nhà anh N nhưng không biết mục đích của A và F đến để đánh anh N, không tham gia vào việc gây thương tích cho anh N nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với O và bạn của O.

[10] Về án phí: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Điểm a, i khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Châu Ngọc A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* **Xử phạt:** Bị cáo Châu Ngọc A 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 27 tháng 3 năm 2020.

* **Căn cứ:** Điểm a khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Thái F phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thái F 03(ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

* **Biện pháp tư pháp:** Căn cứ vào Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 48 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, tuyên:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Châu Ngọc A và bị hại Nguyễn Ngọc N là: Bị cáo Châu Ngọc A đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền

93.974.838 đồng (Chín mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng).

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thái F và bị hại Nguyễn Ngọc N là: Bị cáo Nguyễn Thái F đồng ý bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

***Xử lý vật chứng:** Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kiếm tự tạo bằng kim loại mũi nhọn, có chiều dài lưỡi kiếm 60cm, chiều rộng 04cm, đuôi kiếm dài 12cm (được quấn bằng nilon) (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 83 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố PT).

*** Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Châu Ngọc A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.698.741 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Thái F phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của các bị cáo và bị hại là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/7/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Bị hại;
- VKSNDTP Phan Thiết;
- Cơ quan điều tra Công an Phan Thiết;
- Cơ quan THAHS Công an Phan Thiết;
- Cơ quan THADS Phan Thiết;
- UBND phường Đức Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phong Lan